

**KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 1113/SKHCN-BCVT&CĐS ngày 27/8/2025¹, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030.

- Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 20/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động chuyển đổi số hoạt động chỉ đạo, điều hành của chính phủ, thủ tướng chính phủ trực tuyến và dựa trên dữ liệu giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng đề án chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương.

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;...

II. MỤC TIÊU

- Hoàn thành phát triển chính quyền điện tử; tập trung thực hiện các nhiệm vụ: Dữ liệu đất đai, tư pháp - hộ tịch, sức khỏe điện tử, kết nối các hệ thống thông tin, dữ liệu để cung cấp dịch vụ trên VNeID, tạo nền móng ban đầu, sẵn

¹ Về tham mưu dự thảo Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025.

sàng chuyển sang phát triển chính quyền số trong hoạt động chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Phát triển kinh tế số, xã hội số thúc đẩy chuyển đổi số khu vực doanh nghiệp, khu vực nông thôn theo tiêu chí nông thôn mới thông minh; phấn đấu có ít nhất 01 mô hình nông thôn mới thông minh vào cuối năm 2025; triển khai đầy đủ các yêu cầu cơ bản về đảm bảo an toàn thông tin theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

- Nâng cao năng lực thể chế hóa chính sách, nhiệm vụ, lãnh đạo chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về chuyển đổi số. Kiện toàn, phát triển nhân lực chuyển đổi số trong khu vực cơ quan hành chính nhà nước các cấp; triển khai các chương trình hợp tác đã ký kết cho mục tiêu huy động nguồn nhân lực, công nghệ; phát triển mạng lưới chuyển đổi số, mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

(Một số chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo).

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của người đứng đầu; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, xuyên suốt giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là đối với các nhiệm vụ phối hợp có quy mô lớn, liên ngành.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ vướng mắc cho địa phương, cơ sở; lấy nhiệm vụ phát triển con người, bảo đảm và cải thiện dân sinh làm mục đích, minh bạch hóa và tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp.

2. Thể chế, chính sách số

Ban hành các chỉ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh trên môi trường điện tử; rà soát các chế độ báo cáo (*bảo đảm chỉ ban hành những chế độ báo cáo thật sự cần thiết*); cắt giảm các chế độ báo cáo đã được thay thế bằng dữ liệu số có sẵn từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; nghiên cứu chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục phủ sóng di động tại các cụm dân cư còn lùm sóng; phát triển kết nối internet băng rộng cố định đến hộ gia đình, cụm dân cư; phủ sóng 5G tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các điểm có thiết bị quan trắc.

- Duy trì, vận hành hạ tầng kỹ thuật liên tục, ổn định và nâng cấp mở rộng để đáp ứng phục vụ chính quyền điện tử, chính quyền số trong giai đoạn sau sát nhập tỉnh tại trung tâm dữ liệu của tỉnh.

4. Nhân lực số

- Rà soát, đánh giá trình độ, năng lực, chất lượng đội ngũ làm công tác chuyên trách chuyển đổi số ở các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để có phương án, giải pháp đào tạo, tập huấn, bổ sung nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu chính quyền địa phương 2 cấp.

- Tiếp tục nâng cao nhận thức về chuyển đổi số của cán bộ lãnh đạo cấp sở, ban ngành, các xã, phường, đặc khu; bồi dưỡng kỹ năng thể chế hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo về công tác chuyển đổi số.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện có, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số; phát huy mạnh mẽ vai trò xung kích của Tổ Công nghệ số cộng đồng để lan tỏa phong trào chuyển đổi số sâu rộng đến mọi tầng lớp nhân dân.

- Đào tạo, tập huấn cập nhật giải pháp, công nghệ mới cho cán bộ kỹ thuật về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Triển khai các chương trình hợp tác của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động nhân lực có chất lượng cao theo nhu cầu.

- Hình thành và tập huấn cho tổ chức mạng lưới chuyển đổi số, mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số doanh nghiệp để tổ chức hoạt động theo chương trình, kế hoạch; phát huy hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

5. Phát triển dữ liệu số

- Hoàn thành công tác số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại cơ quan nhà nước cấp xã theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; bảo đảm Kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân để tổ chức, cá nhân thuận tiện trong lưu trữ, quản lý và khai thác trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy nâng cao tỷ lệ tái sử dụng kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt mức trung bình của cả nước.

- Tăng cường kết nối, phân tích, tạo lập cơ sở dữ liệu, đảm bảo dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, chính quyền số cấp tỉnh.

- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các sở, ngành, địa phương, đảm bảo phục vụ hoạt động chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh dựa trên dữ liệu. Tiếp tục phát triển dữ liệu, làm giàu dữ liệu, làm sạch dữ liệu trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, các đơn vị sự nghiệp và các doanh nghiệp; từng bước đưa hoạt động của tổ chức dựa trên dữ liệu, tạo tiền đề để chuyển sang giai đoạn hoạt động thuần trên môi trường số; đảm bảo dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. An toàn thông tin mạng

- Rà soát, hoàn thành tất cả nhiệm vụ tại Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; nâng cấp, mở rộng năng lực đáp ứng của các hệ thống an toàn thông tin tập trung.

- Triển khai đầy đủ, kịp thời đối với các khuyến cáo, cảnh báo của Cục An toàn thông tin; tăng cường công tác truyền thông nâng cao nhận thức về an toàn trên không gian mạng, tổ chức hoạt động đào tạo trực tuyến cho người dân, người lao động và đưa nội dung hướng dẫn về an toàn thông tin vào hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Tổ chức tập huấn nâng cao kỹ năng xử lý cho lực lượng cán bộ kỹ thuật tại cơ quan nhà nước; tổ chức hoạt động diễn tập đối với Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia đầy đủ các hoạt động diễn tập thực chiến, các hoạt động trong mạng lưới an toàn thông tin do các cơ quan trong nước và quốc tế tổ chức để nâng cao kỹ năng thực chiến.

- Tổ chức hoạt động kiểm tra định kỳ, đột xuất về an toàn thông tin; tăng cường hoạt động của Tiểu ban An toàn, an ninh mạng tỉnh Quảng Ngãi về khối lượng, nội dung và tần suất bằng phương án trực tuyến kết hợp trực tiếp.

7. Chính quyền số

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo, hướng tới hình thành Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Phát triển Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh, đảm bảo phục vụ đến các xã, phường, đặc khu; đảm bảo khả năng theo dõi tình hình thực hiện nhiệm vụ đối với các tổ chức sự nghiệp thuộc tỉnh (không bao gồm lĩnh vực y tế, giáo dục); đảm bảo kết nối phục vụ yêu cầu theo dõi, đánh giá và giám sát của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Mở rộng phạm vi hoạt động của Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tỉnh; kết nối, tích hợp với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân tỉnh. Tổ chức khai thác Hệ thống Phòng họp không giấy dùng chung của Ủy ban nhân dân tỉnh gắn kết đồng bộ với công tác vận hành khai thác Hệ thống hội nghị truyền hình tỉnh Quảng Ngãi.

- Tiếp tục tăng cường triển khai thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ các cơ quan nhà nước và giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp. Phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế, xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số; xây dựng, tạo lập dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp khai thác, sử dụng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số.

- Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên toàn địa bàn tỉnh một cách đồng bộ, hiệu quả.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp theo Kế hoạch số 153/KH-UBND ngày 16/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; phấn đấu đến hết năm 2025, có khoảng 50% (*khoảng 3.000 doanh nghiệp*) được đánh giá mức độ chuyển đổi số, làm cơ sở để thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp; triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế số ngành, lĩnh vực²; phát triển tên miền trong khu vực hộ kinh doanh cá

² Theo Kế hoạch 114/KH-UBND ngày 21/5/2025.

thể và doanh nghiệp, từng bước hiện diện doanh nghiệp trên môi trường số, thúc đẩy thương mại điện tử, kinh doanh trên môi trường số³.

- Phát triển kinh tế số và xã hội số khu vực nông thôn theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã Nông thôn mới thông minh, xã thương mại điện tử.

- Triển khai mô hình điểm về Nông thôn mới thông minh; phân đầu đến hết năm 2025, có ít nhất 01 mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh theo lĩnh vực nổi trội nhất (*kinh tế, du lịch nông thôn, môi trường, văn hóa...*)⁴.

9. Nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh truyền thông về chuyển đổi số; tiếp tục tổ chức hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia bằng phương thức mới, cách làm mới; thực hiện truyền thông chuyển đổi số trên môi trường đa nền tảng; huy động nguồn lực truyền thông xã hội trong truyền thông chuyển đổi số; đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới chuyển đổi số, mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số và đặc biệt, lấy hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng là hạt nhân, nòng cốt trong truyền thông và nâng cao kỹ năng số, kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin trong cộng đồng.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06 tỉnh; kế hoạch hoạt động triển khai nội dung trọng tâm năm 2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá các nhiệm vụ được giao và mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương; áp dụng kết quả đánh giá về chuyển đổi số để đánh giá hằng năm về trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kỹ năng số

- Xây dựng các nội dung, chương trình truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng đa dạng, phong phú, phù hợp từng đối tượng với thời lượng, hình thức phù hợp, hiệu quả, thực chất.

- Tận dụng các nền tảng học tập trực tuyến và công nghệ trí tuệ nhân tạo để cung cấp các khóa học linh hoạt về thời gian và không gian.

- Sản xuất và lan tỏa tin, bài, phóng sự, chuyên mục chuyên đề về chuyển đổi số, nêu bật ý nghĩa, lợi ích và kết quả thực hiện.

³ Theo Quyết định số 826/QĐ-BTTTT ngày 21/5/2024.

⁴ Theo chỉ tiêu tại Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Thực hiện biện pháp, chính sách thu hút nhân lực; bồi dưỡng, phát triển nhân lực tại chỗ bằng các chính sách đãi ngộ trong tuyển dụng, chuyển ngạch nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, khen thưởng năm và khen thưởng chuyên đề.

- Hợp tác với các cơ quan, tổ chức liên quan, doanh nghiệp công nghệ để thu hút chuyên gia, nguồn lực; tìm hiểu giải pháp, công nghệ phục vụ chuyển đổi số, phát triển các ngành, lĩnh vực đang có xu hướng phát triển như dữ liệu, bán dẫn cho mục tiêu tăng trưởng về kinh tế số.

4. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ số

Triển khai thực hiện thỏa thuận hợp tác chiến lược về chuyển đổi số với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp liên quan; nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai chuyển đổi số như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...

5. Đảm bảo nguồn lực tài chính

- Thực hiện mục tiêu đảm bảo tỷ lệ chi tối thiểu hàng năm cho chuyển đổi số là 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh, cấp xã theo Quyết định số 1557/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho Chuyển đổi số giai đoạn 2023-2025.

- Bố trí, sử dụng nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; các nguồn tài chính hợp pháp khác (nếu có). Lồng ghép sử dụng các nguồn hợp pháp khác cho chuyển đổi số như nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia; bố trí đầu tư các hạng mục có tính chất hạ tầng số tại các dự án đầu tư xây dựng; thực hiện kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn đảm bảo theo quy định, quy trình quản lý, sử dụng hiệu quả.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu theo chức năng nhiệm vụ

- Triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; đồng thời, chủ động rà soát, ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiếp tục thực hiện đạt kết quả các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 20/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Tập trung nguồn lực triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu đến hết năm 2025 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó chú trọng các chỉ tiêu về hạ tầng mạng, an toàn thông tin, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, dịch vụ công trực tuyến, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực tại các cơ quan cấp xã; chuẩn bị cho việc kết thúc giai đoạn

phát triển Chính quyền điện tử vào cuối năm 2025, sẵn sàng phát triển Chính quyền số vào đầu năm 2026.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này; tổng hợp báo cáo kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

- Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này, chủ động xây dựng danh mục nhiệm vụ chi tiết để theo dõi, triển khai thực hiện⁵.

- Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đề án 06; hướng dẫn hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.

- Ưu tiên kinh phí triển khai các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số có liên quan đến nội dung triển khai Kế hoạch.

3. Công an tỉnh

- Tiếp tục tổ chức làm sạch, cập nhật đầy đủ, chính xác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; triển cấp phiếu lý lịch tư pháp trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNeID) theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Hướng dẫn điều chỉnh thông tin công dân theo mô hình 02 cấp địa giới hành chính.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của an ninh mạng; hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn, hoạt động các loại tội phạm trên không gian mạng, từ đó, ý thức được vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong bảo vệ an ninh mạng và xây dựng không gian mạng an toàn, lành mạnh.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan đảm bảo tuyệt đối an toàn, an ninh các hệ thống thông tin của tỉnh.

4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các ngành, địa phương thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

5. Sở Nội vụ

- Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xây dựng, triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị có liên quan tổ chức

⁵ Trong đó nêu rõ nội dung nhiệm vụ, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp thực hiện, thời gian hoàn thành, tiến độ thực hiện để kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện, đảm bảo việc tổ chức thực hiện Kế hoạch được kiểm tra chặt chẽ, đạt hiệu quả.

thực hiện các giải pháp kết hợp chặt chẽ việc triển khai Kế hoạch này với các chương trình, kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh.

6. Sở Tư pháp: Tiếp tục triển khai số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu hộ tịch, cập nhật dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

7. Sở Y tế

- Triển khai hoàn thiện hạ tầng, triển khai bệnh án điện tử tại các bệnh viện tuyến tỉnh, đảm bảo việc tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

- Triển khai thiết lập hồ sơ sức khỏe điện tử của tỉnh, đảm bảo hoàn thành, kết nối, liên thông với kho dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử của Bộ Y tế trong năm 2025, phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công lĩnh vực y tế trên các hệ thống thông tin, ứng dụng định danh điện tử (VNeID), góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Tăng cường công tác tuyên truyền người dân tích hợp BHYT, sử dụng Sổ sức khỏe điện tử; liên thông giấy chuyển tuyến, hẹn khám lại trên VneID.

8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Duy trì hoạt động Hệ thống thông tin đất đai tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo vận hành cơ sở dữ liệu đất đai được thông suốt, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân được liên tục, an toàn.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện nhiệm vụ đo đạc, chỉnh lý, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tại các địa phương còn lại; rà soát, xác định rõ nhiệm vụ chuyên ngành lĩnh vực đất đai, nhiệm vụ chuyển đổi số đất đai, phân định rõ trách nhiệm của đơn vị với các địa phương; sớm triển khai hoàn thành đồng bộ cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống thông tin đất đai trên phạm vi toàn tỉnh, kết nối, tích hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo yêu cầu của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Tiếp tục triển khai hoàn thành việc số hóa hồ sơ kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực thuộc lĩnh vực đất đai tại Văn phòng đăng ký đất đai và các chi nhánh thuộc Văn phòng đăng ký đất đai, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Đổi mới phương thức quản lý đảm bảo hiệu quả; đẩy mạnh chuyển đổi số trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo: Duy trì và phát huy hiệu quả các nền tảng số, dữ liệu số ngành giáo dục; triển khai Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

11. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp nhu cầu và tham mưu trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã về công tác bố trí kinh phí để đảm bảo khả năng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn chi đầu tư phát triển cho các nhiệm vụ, dự án theo quy định.

12. Sở Ngoại vụ: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai các nội dung hợp tác quốc tế về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

13. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi, Cổng thông tin điện tử tỉnh: Thường xuyên cập nhật và phổ biến thông tin chính xác về chủ trương, chính sách, định hướng của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số; tuyên truyền các mô hình, câu chuyện thành công trong chuyển đổi số, nhằm tạo động lực và cảm hứng cho các tổ chức, cá nhân khác học tập và làm theo.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; báo cáo tiến độ, kết quả (trước ngày 15/11) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh. Quá trình thực hiện Kế hoạch⁶, nếu có vướng mắc phát sinh, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để giải quyết theo thẩm quyền; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết đối với nội dung vượt thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng, ban, đơn vị;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{TPC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

⁶ Kế hoạch này thay thế cho Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi cũ và Kế hoạch số 4664/KH-UBND 25/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum cũ.

Phụ lục 1
DANH MỤC MỘT SỐ CHỈ TIÊU
PHÂN ĐẦU HOÀN THÀNH ĐẾN HẾT NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt tỷ lệ 95% thủ tục hành chính có đủ điều kiện	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
2	Hồ sơ trực tuyến toàn trình của các dịch vụ công trực tuyến đạt tỷ lệ trung bình tối thiểu 60%	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
3	Tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID đạt 100%.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính đạt 90%.	Văn phòng UBND tỉnh	Ban QL KKT Dung Quất và Các KCN tỉnh; UBND cấp xã
6	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với Hệ thống thông tin cáo cáo Chính phủ	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
7	100% nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; của UBND tỉnh giao được theo dõi, giám sát, đánh giá bằng dữ liệu số	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
8	100% các thông tin, dữ liệu của địa phương được tích hợp, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin của Chính phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
9	Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại cấp tỉnh đạt 100%; cấp xã đạt 80%.	Văn phòng UBND tỉnh	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
10	Tỷ trọng kinh tế số trên GRDP đạt tối thiểu 20%.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan cấp tỉnh; UBND cấp xã
11	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong lĩnh vực thương mại đạt trên 80%	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; Ban Quản lý KKT Dung Quất và các

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
			KCN tỉnh; UBND cấp xã
12	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%.	Sở Tài chính	Ban QL KKT Dung Quất và Các KCN tỉnh; UBND cấp xã
13	100% cửa hàng bán lẻ xăng dầu; 100% trung tâm thương mại; 50% cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, bán lẻ hàng hóa tại các trung tâm thương mại, cửa hàng bán lẻ hàng tiêu dùng trên địa bàn tỉnh triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền để chống thất thu thuế, thất thu ngân sách.	Thuế tỉnh Quảng Ngãi	UBND cấp xã
14	Tỷ lệ dân số trưởng thành được cấp chứng thư chữ ký số, chứng thư chữ ký điện tử đạt trên 50%.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã
15	Trung tâm dữ liệu tỉnh đảm bảo hạ tầng phục vụ các cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cơ sở dữ liệu dùng chung khác theo quy định của pháp luật	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng Tỉnh ủy; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh
16	Hạ tầng Internet vạn vật (IoT) độ trễ thấp sẵn sàng tại tất cả các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các trường cao đẳng, đại học; các điểm quan trắc trên địa bàn tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông
17	20% cụm dân cư đang lờm sóng và đã có điện lưới quốc gia được phủ sóng băng rộng di động; 100% số hộ gia đình có khả năng tiếp cận dịch vụ Internet cáp quang băng rộng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông
18	Tỷ lệ hồ sơ tư liệu các di sản văn hóa Việt Nam đã được ghi danh, công nhận và xếp hạng được số hóa, hiện diện trên môi trường số đạt tỷ lệ 100%.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp xã
19	Tỷ lệ triển khai học bạ số đối với học sinh và bảng điểm số đối với sinh viên đạt 100%.	Các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo
20	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập trên toàn tỉnh triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt đạt tỷ lệ 70%.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND cấp xã
21	Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ hồ sơ sức khỏe điện tử tích	Sở Y tế	Công an tỉnh; UBND cấp xã

TT	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
	hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.		
22	Tỷ lệ phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước đạt 100%, tỷ lệ triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước đạt 100%	Công an tỉnh	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Hội đoàn thể trên địa bàn tỉnh; UBND cấp xã
23	Tỷ lệ các cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp xã triển khai giải pháp sẵn sàng phục hồi nhanh hoạt động của hệ thống thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp khi gặp sự cố, đưa hoạt động trở lại bình thường trong vòng 24 tiếng hoặc theo yêu cầu nghiệp vụ đạt 100%.	Cơ quan cấp tỉnh, UBND cấp Xã	Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng

Phụ lục 2
DỰ KIẾN NHIỆM VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ KINH PHÍ NĂM 2025
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /9/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Cơ quan, đơn vị, địa phương	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn	Văn bản có liên quan
I	Cơ quan Khối Đảng			
1	Văn phòng Tỉnh ủy	29.900		
1.1	Tiếp nhận, đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng dùng chung do các cơ quan Trung ương chuyển giao và bồi dưỡng, tập huấn về Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số...	100	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
1.2	Triển khai hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên thiết bị di động thông minh	1.400	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
1.3	Nâng cấp Cổng Thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh; Hệ thống thư điện tử để sẵn sàng cho việc tích hợp các hệ thống thông tin; Hệ thống phần mềm chuyển đổi giọng nói thành văn bản và duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung khác	1.500	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
1.4	Tiếp tục bổ sung, nâng cấp, thay thế các thiết bị mạng, tường lửa các cơ quan, tổ chức Đảng trong tỉnh	1.500	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
1.5	Rà soát, kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các Hệ thống thông tin tại Trung tâm dữ liệu	400	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
1.6	Duy trì dịch vụ Công nghệ thông tin thuê Nền tảng Quản trị tổng thể (<i>Triển khai mở rộng hệ thống sau khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh</i>)	3.200	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
1.7	Duy trì dịch vụ Công nghệ thông tin thuê phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử Đảng bộ tỉnh	900	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
1.8	Duy trì dịch vụ Công nghệ thông tin thuê Phòng họp không giấy của Tỉnh ủy trên internet	400	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
1.9	Triển khai Kho dữ liệu số hóa dùng chung các cơ quan, tổ chức đảng trong tỉnh	4.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025

1.10	Tiếp tục nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trung tâm dữ liệu	2.500	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ UBND ngày 27/5/2025
1.11	Phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số của các cơ quan, tổ chức đảng tỉnh, gồm: - Bổ sung hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số cho các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy. - Bổ sung hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số cho các đảng ủy xã, phường, đặc khu: 96 bộ thiết bị đầu cuối (bao gồm máy tính, máy in, máy quét) phục vụ riêng cho công tác gửi nhận văn bản Mật thông qua mạng thông tin diện rộng của Đảng; bố trí máy tính cho người dùng phục vụ khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung trên Internet (mỗi xã, phường, đặc khu bố trí tối thiểu 05 bộ máy tính).	14.000	CTX, NST	Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025
II	Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Hội đoàn thể			
1	Sở Tài chính	1.150		
1.1	Nâng cấp, bảo trì, vận hành hệ thống Phần mềm Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương	750	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
1.2	Thuê Hệ thống giám sát, theo dõi quản lý tiến độ dự án đầu tư giai đoạn 2023 - 2026	400	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
2	Sở Nội vụ	16.478		
2.1	Hệ thống quản lý cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi (thuê dịch vụ)	3.463	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025; Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
2.2	Nâng cấp, cập nhật sửa đổi bộ tiêu chí đánh giá Chỉ số CCHC trên phần mềm và bổ sung một số tính năng, chức năng bảo mật cho hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC	239	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024; 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
2.3	Nâng cấp Phần mềm quản lý và phục vụ khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ	90	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024; 4664/KH-UBND

				ngày 25/12/2024
2.4	Số hóa tài liệu lưu trữ lịch sử giai đoạn 2023-2025 (tài liệu từ năm 1991-2013) và triển khai Hệ thống Quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh	9.659	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
2.5	Số hóa tài liệu Sở Nội vụ	400	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
2.6	Chỉnh lý số hóa hồ sơ tài liệu giải quyết thủ tục hành chính Người có công	2.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
2.7	Chi phí quản trị, vận hành Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh	61	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
2.8	Chi phí quản trị, vận hành Phần mềm, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	112	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
2.9	Chi phí quản trị, vận hành hệ thống, phần mềm khác của các cơ quan nhà nước	34	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
2.10	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Hệ thống thông tin nội bộ của Sở đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 2 tại Cơ sở 2 (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũ)	150	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
2.11	Nâng cấp, mua sắm mới các thiết bị mạng tại cơ sở 2 (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũ)	150	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
2.12	Gia hạn bản quyền (license) cho thiết bị tường lửa Sophos XG 230 tại cơ sở 2 (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội cũ)	120	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3	Sở Khoa học và Công nghệ	27.519		
3.1	Thuê dịch vụ CNTT hệ thống Quản lý văn bản và điều hành dùng chung của tỉnh	3.640	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.2	Thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	2.693	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.3	Thuê dịch vụ Phần mềm đánh giá chuyển đổi số cho các CQNN tỉnh Quảng Ngãi	290	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.4	Thuê dịch vụ Phần mềm Quản lý nhiệm vụ	1.170	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024

3.5	Tập huấn Tổ công nghệ số cộng đồng các địa phương (1 ngày/lớp x 2 lớp x 100 người/lớp)	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.6	Chi hoạt động Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Quảng Ngãi	225	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.7	Hội nghị triển khai, phổ biến, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Kiến trúc ICT Đô thị thông minh; nhiệm vụ chi Chuyển đổi số	18	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.8	Kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai chuyển đổi số tại địa phương và một số sở, ban, ngành	40	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.9	Tổ chức Tuần lễ Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi	300	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.10	Triển khai bồi dưỡng, tập huấn về Bộ chỉ số DBI, giới thiệu Hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số cho các doanh nghiệp	51	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.11	Thuê dịch vụ CNTT Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh	1.977	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.12	Thuê dịch vụ CNTT Cổng dữ liệu mở tỉnh	1.190	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.13	Thuê trực kết nối chia sẻ dữ liệu LGSP	2.673	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.14	Thuê kho cơ sở dữ liệu dùng chung	2.500	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.15	Quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh	3.536	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.16	Quản trị, vận hành Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Quảng Ngãi (IOC)	126	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.17	Công tác truyền thông trên các nền tảng số	524	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.18	Triển khai IPv6 tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	1.162	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.19	Diễn tập thực chiến an toàn thông tin	681	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND

				ngày 15/11/2024
3.20	Đảm bảo an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 đã được phê duyệt	450	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
3.21	Thiết lập hệ thống kết nối, thu thập dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, về tài chính <i>(bao gồm thực hiện 04 mô hình Đề án 06)</i>	1.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
3.22	Thiết lập Hệ thống cơ sở dữ liệu Khoa học công nghệ tỉnh	2.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
3.23	Triển khai hệ thống xác thực tập trung dự phòng của tỉnh tại Trung tâm dữ liệu tỉnh Quảng Ngãi	222	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
3.24	Thu thập, số hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu thư viện số về khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Ngãi	231	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
3.25	Vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh (1) Thư viện số về thông tin khoa học, công nghệ tỉnh; (2) Phần mềm thực hiện Dịch vụ kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	120	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
3.26	Truyền thông về Nghị quyết 57-NQ/TW, chuyển đổi số và dịch vụ công trực tuyến	300	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
3.27	Phát động và tổ chức phong trào “Bình dân học vụ số”	300	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
4	Sở Tư pháp	1.945		
4.1	Mua trang thiết bị tường lửa mới để đảm bảo an ninh mạng cho Sở Tư pháp, nhằm đảm bảo hệ thống mạng hoạt động ổn định, an toàn để triển khai ứng dụng dùng chung và phục vụ công tác chuyên môn <i>(năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030)</i> .	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
4.2	Mua sắm trang thiết bị để triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin	100	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
4.3	Đánh giá an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin cấp độ 2 đã được phê duyệt	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024

4.4	Trang bị Hệ thống camera, bộ giải mã âm thanh, hình ảnh, micro, Smart Tivi 65" và phần mềm họp, xét xử trực tuyến của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh thuộc Sở Tư pháp (<i>Công văn số 481/CTGPL-CS&QLNV ngày 08/8/2024 của Cục Trợ giúp pháp lý</i>)	345	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
4.5	Trang bị hệ thống camera, bộ giải mã âm thanh, hình ảnh, micro và phần mềm họp trực tuyến, Tivi 75" đối với phòng họp của Sở Tư pháp.	300	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
4.6	Kinh phí thực hiện mục tiêu số hóa 30% tài liệu lưu trữ có giá trị cao tạo tiền đề để hoàn thành toàn bộ công tác số hóa tài liệu lưu trữ	1.000	CTX, NST	Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	17.476		
5.1	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin hệ thống thông tin đất đai tại tỉnh Quảng Ngãi năm 2025	4.676	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024; Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 26/3/2025
5.2	Số hóa thủ tục hành chính về đất đai còn hiệu lực tại Văn phòng Đăng ký đất đai và các chi nhánh trực thuộc	500	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
5.3	Duy trì và bổ sung hoàn thiện các phân hệ Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	2.300	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
5.4	Thí điểm lắp đặt camera chuyên dùng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng	2.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
5.5	Triển khai số hóa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	8.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
6	Sở Công Thương	2.462		
6.1	Duy trì, nâng cấp CSDL về kinh tế công nghiệp và thương mại	50	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
6.2	Duy trì, phát triển Sàn thương mại điện tử tỉnh Quảng Ngãi	100	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
6.3	Mua sắm mới thiết bị tường lửa (firewall) và bản quyền (license)	300	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
6.4	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Hệ thống thông tin nội bộ của Sở đã được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin cấp độ 2	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024

6.5	Quản trị, vận hành cơ sở dữ liệu về kinh tế và thương mại cài đặt tại Trung tâm dữ liệu tỉnh	112	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
6.6	Triển khai CSDL ngành Công Thương	1.800	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
7	Sở Xây dựng	6.200		
7.1	Nâng cấp, mua sắm mới các thiết bị mạng	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
7.2	Mua sắm mới thiết bị tường lửa (firewall) và bản quyền (license) giai đoạn 2025 - 2027	350	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
7.3	Bảo đảm an toàn thông tin Hệ thống thông tin nội bộ đã được phê duyệt cấp độ 1, 2 (Sở và các đơn vị trực thuộc)	500	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
7.4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tỉnh Quảng Ngãi trên nền bản đồ số	5.250	CTX, NST	Kế hoạch số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
7.4.1	Số hóa, tạo lập cơ sở dữ liệu về quy hoạch xây dựng, kiến trúc	3.500	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
7.4.2	Triển khai Hệ thống quản lý CSDL về quy hoạch xây dựng, kiến trúc để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo điều hành	1.750	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4.865		
8.1	Thực hiện Mô hình “Triển khai camera AI kiểm soát ra/vào tại khu du lịch”	2.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
8.2	Số hóa tài liệu, hiện vật tại bảo tàng tỉnh	1.500	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
8.3	Vận hành phần mềm quản lý di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh	60	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
8.4	Duy trì thuê hệ thống thông tin nguồn	1.000	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
8.5	Duy trì thuê hệ thống giám sát thông tin trên mạng internet phục vụ theo dõi, chỉ đạo điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh	231	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
8.6	Kinh phí duy trì dự án BMGF-VN	74	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND

				ngày 25/12/2024
9	Sở Y tế	165.749		
9.1	Đầu tư hạ tầng, triển khai Bệnh án điện tử tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh	24.000		Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
9.1.1	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin	20.000	CDT, CTX, NST	
9.1.2	Thuê phần mềm năm 2025	4.000	CTX, NST	
9.2	Đầu tư hạ tầng, triển khai Bệnh án điện tử tại 05 Bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Mắt	44.046		Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
9.2.1	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin	40.000	CDT, CTX, NST	
9.2.2	Thuê dịch vụ triển khai bệnh án điện tử năm 2025	4.046	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
9.3	Đầu tư hạ tầng, triển khai Bệnh án điện tử tại 13 Trung tâm chuyên khoa và Trung tâm y tế	97.453		Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
9.3.1	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin	80.000	CDT, CTX, NST	
9.3.2	Thuê dịch vụ triển khai bệnh án điện tử năm 2025	17.453	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
9.4	Tiếp tục duy trì vận hành hội nghị truyền hình trực tuyến ngành Y tế	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
9.5	Triển khai Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử	50	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
9.6	Vận hành nền tảng số y tế tỉnh Quảng Ngãi	100	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.839		
10.1	Hệ thống quản lý, tuyển sinh đầu cấp: Quản lý quy trình; đăng ký trực tuyến; Tra cứu trực tuyến thông tin; Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (toàn trình)	926	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025

10.2	Học bạ số cấp Tiểu học	330	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
10.3	Bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
10.4	Triển khai hệ thống quản lý trường học: Xác thực thông tin giáo viên và học sinh	115	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
10.5	Triển khai học bạ số cấp Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và Giáo dục thường xuyên	1.500	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
10.6	Xây dựng kho học liệu số cấp Mầm non và cấp Tiểu học	1.119	CTX, NST	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
10.7	Thuê dịch vụ chứng thực chữ ký số sử dụng trên phần mềm quản lý trường học triển khai trong ngành Giáo dục và Đào tạo	990	CTX, NST	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
10.8	Thuê dịch vụ phần mềm học tập trực tuyến ngành Giáo dục và Đào tạo	759	CTX, NST	Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/7/2025
11	Sở Ngoại vụ	1.600		
11.1	Hệ thống thông tin đối ngoại	1.600	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12	Văn phòng UBND tỉnh	28.606		
12.1	Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, xã và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	1.800	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12.2	Hệ thống phòng họp không giấy	1.000	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12.3	Vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh	586	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12.4	Vận hành Trung tâm tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh	2.100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12.5	Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin Trung tâm Tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh	405	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12.6	Tường lửa ứng dụng cho Trung tâm tích hợp dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh	1.800	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND

				ngày 27/5/2025
12.7	Chuyển đổi sang IPV6	200	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12.8	Bản quyền windows và office cho máy tính cá nhân tại Văn phòng UBND tỉnh	480	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
12.9	Hệ thống thông tin chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh	2.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
12.10	Hệ thống Tiếp công dân trực tuyến tỉnh Quảng Ngãi	2.500	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
12.11	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của UBND tỉnh	1.807	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
12.12	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh	2.304	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
12.13	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh	1.600	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
12.14	Duy trì thuê dịch vụ CNTT Hệ thống tự động giải đáp thông tin giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân (Trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp)	210	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
12.15	Nâng cấp Hệ thống hội nghị truyền hình UBND tỉnh	8.300	CTX, NST	Kế hoạch số 130/KH-UBND 11/6/2025
12.16	Tích hợp, nâng cấp Cổng TTĐT theo Kế hoạch số 130/KH-UBND phục vụ chính quyền 2 cấp	1.514	CTX, NST	Kế hoạch số 130/KH-UBND
13	Thanh tra tỉnh	1.056		
13.1	Triển khai Đề án Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về kiểm soát tài sản thu nhập	600	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
13.2	Nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh thông tin (gia hạn bản quyền (license) cho thiết bị tường lửa Sophos XG 230)	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
13.3	Xây dựng Mô hình và tổ chức tiếp công dân trực tuyến	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
13.4	Quản trị, vận hành Phần mềm cơ sở dữ liệu	60	CTX,	Quyết định số

	hoạt động thanh tra trên địa bàn tỉnh		NST	340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
13.5	Thuê dịch vụ CNTT hệ thống quản lý hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp	196	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
14	Sở Dân tộc và Tôn giáo	447		
14.1	Thuê Hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh	447	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
15	Công an tỉnh	13.272		
15.1	Số hóa cơ sở dữ liệu thông tin lý lịch tư pháp phục vụ tra cứu, xác minh cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng định danh xác thực điện tử VneID	150	CTX, NST	Kế hoạch số 4664/KH-UBND ngày 25/12/2024
15.2	Nâng cấp mạng máy tính cho 13 cơ quan thuộc UBND tỉnh (Tường lửa; hoàn thiện hồ sơ cấp độ; chuyển đổi Ipv6; triển khai mạng TSLCD, mạng Internet)	8.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
15.3	Thuê dịch vụ triển khai hoạt động giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) (thuê 03 năm)	1.820	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
15.4	Thuê dịch vụ CNTT Nền tảng, phòng chống chống mã độc tập trung toàn tỉnh	2.239	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
15.5	Duy trì, đảm bảo an toàn mạng của tỉnh	799	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
15.6	Chi hoạt động Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh Quảng Ngãi	264	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
16	BQL KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2.100		
16.1	Bảo đảm an toàn thông tin đối với Hệ thống thông tin cấp độ 2 đã được phê duyệt	100	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
16.2	Mô hình lắp đặt hệ thống Camera AI kiểm soát ra, vào Khu công nghiệp trên địa bàn KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi	2.000	CTX, NST	Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 27/5/2025
17	Hội Nông dân tỉnh	200		
17.1	Tập huấn chuyển đổi số trong nông nghiệp cho cán bộ, Hội viên nông dân	50	CTX, NST	Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 15/11/2024
17.2	Xây dựng tường lửa (an toàn thông tin cho máy	150	CTX,	Kế hoạch số

	tính)		NST	223/KH-UBND ngày 15/11/2024
18	Liên minh Hợp tác xã	1.500		
18.1	Triển khai Kế hoạch, Chương trình thúc đẩy chuyển đổi số tại hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh	1.500	CTX, NST	Kế hoạch số 368-KH/TU ngày 24/5/2025
	TỔNG	328.364		

Ghi chú: Nhiệm vụ chuyển đổi số và kinh phí năm 2025 mang tính chất định hướng, khái toán chung, quá trình tổ chức thực hiện sẽ được cụ thể, chuẩn hóa và theo chủ trương, Quyết định giao kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh.